

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Số: 50 /2023/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đà Nẵng, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật
hoạt động xuất bản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

*Căn cứ Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31/12/2020 của Bộ Thông tin
và Truyền thông về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Đà
Nẵng tại Tờ trình số 928/TTr-STTTT ngày 18 tháng 10 năm 2023, ý kiến các thành
viên UBND thành phố.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế - kỹ thuật
hoạt động xuất bản thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản ban hành kèm theo Quyết
định này quy định các mức hao phí trực tiếp trong tổ chức, khai thác bản thảo,
biên tập thành bản mẫu theo quy định của Luật Xuất bản; in; đóng gói xuất bản
phẩm để phát hành.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này chưa bao
gồm hao phí của tác giả trong sáng tác đối với tác phẩm được xuất bản.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết
định này bao gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động xuất
bản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

b) Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến sử dụng ngân sách nhà nước
cho hoạt động xuất bản trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức có hoạt động xuất bản không sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .30.. tháng .11.. năm 2023.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch UBND các quận, huyện và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố ĐN;
- Các Sở, ban, ngành;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- UBND các quận, huyện, phường, xã;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản tổng hợp Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KGVX, STTTT.

30/11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 50./2023/QĐ-UBND ngày 17../11/2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

ĐÀ NẴNG, 11./2023

MỤC LỤC

Phần I. HƯỚNG DẪN CHUNG	1
1. Giải thích từ ngữ	1
2. Quy trình hoạt động xuất bản.....	3
3. Nội dung định mức.....	4
4. Áp dụng định mức.....	4
Phần II. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN ...	7
Chương I. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC TỔ CHỨC, KHAI THÁC BẢN THẢO	7
I. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC TỔ CHỨC, KHAI THÁC BẢN THẢO SÁCH	7
1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách để mua bản quyền	7
2. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách đặt hàng.....	13
3. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách của tác giả đưa đến nhà xuất bản.....	18
II. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC TỔ CHỨC, KHAI THÁC BẢN THẢO TRANH, ẢNH	20
1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh, ảnh mua bản quyền .	20
2. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh, ảnh đặt hàng	24
3. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh, ảnh của tác giả đưa đến nhà xuất bản.....	28
III. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC TỔ CHỨC, KHAI THÁC BẢN THẢO ÁP-PHÍCH, TỜ RỜI, TỜ GẤP	31
1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo áp-phích, tờ rời, tờ gấp đặt hàng	31
2. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo áp-phích, tờ rời, tờ gấp của tác giả đưa đến nhà xuất bản	33
Chương II. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC BIÊN TẬP BẢN THẢO	35
I. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC BIÊN TẬP NGÔN NGỮ CỦA BẢN THẢO	35
1. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác.....	36

2. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại phóng tác, cải biên, chuyển thể, sưu tầm, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển	41
3. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại dịch	42
II. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC BIÊN TẬP BẢN THẢO TRANH, ẢNH	44
1. Định mức công tác biên tập tranh, ảnh	44
2. Định mức công tác biên tập bản thảo sách tranh, sách ảnh	46
3. Định mức công tác biên tập bản thảo truyện tranh	48
III. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC BIÊN TẬP BẢN THẢO ÁP-PHÍCH, TỜ RỜI, TỜ GẤP	48
1. Định mức công tác biên tập bản thảo áp-phích	49
2. Định mức công tác biên tập bản thảo tờ rời, tờ gấp	49
Chương III. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN XUẤT BẢN PHẨM IN	51
I. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN SÁCH IN	51
1. Định mức công tác thiết kế, trình bày trang bìa ngoài sách in	51
2. Định mức công tác thiết kế, trình bày trang ruột sách in	53
3. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-két áp-phích	56
4. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-két tờ rời, tờ gấp	57
II. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC IN BẢN CAN	58
Chương IV. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC LÀM SÁCH ĐIỆN TỬ	59
1. Định mức công tác thiết kế layout sách điện tử	59
2. Định mức công tác thiết kế, trình bày trang bìa ngoài sách điện tử	60
3. Định mức công tác thiết kế, trình bày các trang bên trong sách điện tử ..	61
4. Định mức công tác thiết kế, trình bày vỏ đĩa và ghi dữ liệu sách điện tử vào đĩa CD	63
Chương V. ĐỊNH MỨC CÁC CÔNG TÁC THUỘC CÔNG ĐOẠN IN SÁCH	65
1. Định mức công tác in bản can	65
2. Định mức công tác in bản phim	65
3. Định mức công tác bình bản thủ công	65

4. Định mức công tác ghi bản kẽm từ bản can hoặc bản phim	66
5. Định mức công tác bình bản và ghi bản kẽm từ file	66
6. Định mức công tác in offset 1 màu, 2 màu và 4 màu	67
7. Định mức công tác gấp	71
8. Định mức công tác xén	71
9. Định mức công tác đóng tập	72
10. Định mức công tác vào bìa.....	74
11. Định mức công tác đóng gói	74

Phụ lục. QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CÔNG VIỆC TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN	76
--	-----------

Phần I

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Giải thích từ ngữ

Trong Định mức này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. “*Xuất bản*” là việc tổ chức, khai thác bản thảo, biên tập thành bản mẫu để in và phát hành hoặc để phát hành trực tiếp qua các phương tiện điện tử.

1.2. “*In*” là việc sử dụng thiết bị in để tạo ra xuất bản phẩm từ bản mẫu.

1.3. “*Phát hành*” là việc đưa xuất bản phẩm đến người sử dụng thông qua một hoặc nhiều hình thức mua, bán, phân phát, tặng, cho, cho thuê, cho mượn, xuất khẩu, nhập khẩu, hội chợ, triển lãm.

1.4. “*Xuất bản phẩm*” là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản thông qua nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản bằng các ngôn ngữ khác nhau, bằng hình ảnh, âm thanh và được thể hiện dưới các hình thức sau đây: Sách in; Sách chữ nổi; Tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp; Các loại lịch; Bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách.

1.5. “*Tác phẩm*” là sản phẩm sáng tạo của tác giả được xuất bản thành sách và do nhà xuất bản thực hiện theo quy định của Luật Xuất bản.

1.6. “*Bản thảo*” là bản viết tay, đánh máy hoặc bản được tạo ra bằng phương tiện điện tử của một tác phẩm, tài liệu để xuất bản.

1.7. “*Biên tập*” là việc rà soát, hoàn thiện nội dung và hình thức bản thảo để xuất bản.

1.8. “*Tài liệu*” là vật mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân và được xuất bản bởi các nhà xuất bản hoặc các cơ quan, tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của Luật Xuất bản.

1.9. “*Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố*” là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.

1.10. “*Phóng tác*” là việc phỏng theo nội dung một tác phẩm thành một vở kịch hoặc một truyện phim.

1.11. “*Cải biên*” là việc sửa đổi hoặc biên soạn lại theo hướng mới.

1.12. “*Chuyển thể*” là việc chuyển đổi tác phẩm văn học thành kịch bản sân khấu hoặc điện ảnh.

1.13. “*Hợp tuyển hay Tuyển tập*” là việc tập hợp các tác phẩm văn học được lựa chọn bởi người biên soạn (có thể là một bộ sưu tập các bài thơ, kịch, truyện ngắn, bài hát hoặc các trích đoạn).

1.14. “*Chú giải*” là việc viết lời giải thích các chỗ khó trong sách để cho hiểu rõ.

1.15. “*Xuất bản điện tử*” là việc tổ chức, khai thác bản thảo, biên tập thành bản mẫu và sử dụng phương tiện điện tử để tạo ra xuất bản phẩm điện tử.

1.16. “*Xuất bản phẩm điện tử*” là xuất bản phẩm (trừ sách chữ nổi) được định dạng số và đọc, nghe, nhìn bằng phương tiện điện tử.

1.17. “*Phương tiện điện tử*” là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự quy định tại Khoản 10 Điều 4 của Luật Giao dịch điện tử.

1.18. “*Phương thức xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử*” là việc xuất bản và phát hành xuất bản phẩm trên các phương tiện điện tử.

1.19. “*Lưu trữ*” là việc nộp xuất bản phẩm để lưu giữ, đối chiếu, kiểm tra, thẩm định.

1.20. “*Tác giả*” là người viết ra một phần hay toàn bộ tác phẩm hoặc một công trình khoa học nào đó.

1.21. “*Quyền tác giả*” là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

1.22. “*Quyền liên quan đến quyền tác giả*” là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

1.23. “*Ảnh*” là hình thu, chụp được bằng máy ảnh hoặc các dụng cụ quang học khác.

1.24. “*Sách ảnh*” là cuốn sách tập hợp nhiều bức ảnh theo chủ đề và có chú thích về ảnh.

1.25. “*Tranh*” là tác phẩm hội họa phản ánh hiện thực, tâm trạng bằng đường nét và màu sắc.

1.26. “*Sách tranh*” là cuốn sách tập hợp nhiều bức tranh theo chủ đề và có chú thích về tranh.

1.27. “*Truyện tranh*” là cuốn sách gồm những câu chuyện đã xảy ra trong cuộc sống hay những chuyện tưởng tượng ra và được thể hiện qua những bức tranh có hoặc không kèm lời thoại hay các từ ngữ, câu văn kể chuyện.

1.28. “*Áp-phích*” (hay bích chương) là tờ giấy có chữ to hoặc bức tranh lớn để tuyên truyền quảng cáo.

1.29. “*Tờ rời, tờ gấp*” (hay tờ bướm, tờ gấp) là tờ giấy rời để giới thiệu, quảng cáo, tuyên truyền về thông tin nào đó theo chủ đề nhất định.

1.30. “*Sách*” là sản phẩm gồm nhiều trang giấy, trên đó in những ký hiệu, hình ảnh, ký tự (chữ, số), biểu tượng thể hiện một chủ đề, nội dung được liên kết lại thành tập có đánh số trang theo thứ tự có nghĩa và được ấn hành theo quy định của Luật xuất bản; Sách được thể hiện trên giấy thì gọi là sách in, thể hiện trên các phương tiện điện tử là sách điện tử.

1.31. “*Bìa sách*” là các trang ngoài của cuốn sách. Bìa sách bao gồm 4 trang (4 mặt) theo phân cách từ gáy sách, gọi là bìa 1, bìa 2, bìa 3 và bìa 4, trên đó thường in các thông tin cơ bản về sách.

1.32. “*Hiệu đính*” là việc xem xét, đối chiếu và sửa chữa nội dung bản dịch tác phẩm cho chính xác.

1.33. “*Chế bản*” là tạo ra bản mẫu để in nhân bản.

1.34. “*Bản mẫu*” là bản thảo cuối cùng được tác giả hay người có thẩm quyền duyệt, làm cơ sở để in ấn, phát hành hay chuyển thể sang loại hình khác.

1.35. “*Ma-két*” là bản vẽ mẫu hoặc mô hình mẫu trước khi thực hiện quá trình in ấn đại trà.

1.36. “*Layout*” là sự bố trí, sắp xếp trình bày nội dung trên trang sách điện tử.

1.37. “*Bình bản*” là việc sắp xếp các trang mẫu cho phù hợp với khổ giấy in và cách in offset.

1.38. “*In film*” là in bản ma-két ra tờ film.

1.39. “*In can*” là in bản ma-két ra tờ giấy can.

1.40. “*Ghi kẽm*” là in bản ma-két đã bình bản ra bản kẽm.

2. Quy trình hoạt động xuất bản

Định mức kinh tế - kỹ thuật này được xây dựng theo quy trình hoạt động xuất bản phổ biến (được trình bày tại *Phụ lục* kèm theo).

3. Nội dung định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản quy định các mức hao phí trực tiếp trong hoạt động xuất bản, bao gồm: hao phí trực tiếp của nhà xuất bản trong công tác tổ chức, khai thác bản thảo, biên tập thành bản mẫu theo quy định của Luật Xuất bản; hao phí trực tiếp của công tác in, đóng gói xuất bản phẩm để phát hành. Cụ thể:

a) Hao phí nhân công: Là thời gian lao động cần thiết của các cấp bậc lao động bình quân trực tiếp tham gia công việc nhất định, phù hợp với quy trình hoạt động xuất bản phổ biến. Mức hao phí lao động trong định mức được tính bằng công (mỗi công tương ứng với 8 giờ làm việc).

b) Hao phí vật liệu: Là các loại vật liệu cần thiết sử dụng trực tiếp cho công việc nhất định, phù hợp với quy trình hoạt động xuất bản phổ biến. Mức hao phí trong định mức được xác định bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể.

c) Hao phí máy móc, thiết bị: Là các loại máy móc, thiết bị phổ biến, tiên tiến được sử dụng vào công việc nhất định, phù hợp với quy trình hoạt động xuất bản phổ biến. Mức hao phí máy móc, thiết bị trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy (mỗi ca tương ứng với 8 giờ).

d) Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản không bao gồm các hao phí sau:

- Hao phí của tác giả trong hoạt động sáng tác tác phẩm được xuất bản.
- Hao phí trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm in, xuất bản phẩm điện tử (đường truyền, máy chủ, hosting).
- Hao phí xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất bản sau khi phát hành xuất bản phẩm (nếu có);

4. Áp dụng định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản được áp dụng để quản lý kinh tế, quản lý sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động xuất bản theo quy định của pháp luật. Mức độ sử dụng ngân sách nhà nước để bù đắp chi phí hoạt động xuất bản do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định đối với từng xuất bản phẩm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

b) Khổ sách quy chuẩn tính định mức:

- Khổ sách quy chuẩn tính định mức: 14,5cm x 20,5cm.
- Trường hợp khổ sách thực tế khác khổ sách quy chuẩn tính định mức thì Định mức được tính nhân hệ số $k = (\text{diện tích khổ sách thực tế} / \text{diện tích khổ}$

sách quy chuẩn).

- Đối với bản đồ: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về bản đồ.

c) Trường hợp xuất bản phẩm tái bản và tái bản có sửa đổi, bổ sung thì được áp dụng như sau:

(i) Trường hợp xuất bản phẩm tái bản không sửa đổi, bổ sung thì được áp dụng không quá 5% (nhân hệ số $k = 0,05$) định mức biên tập bản thảo (bản mẫu) để thực hiện tái bản.

(ii) Trường hợp xuất bản phẩm tái bản có sửa đổi, bổ sung dưới 30% nội dung thì được áp dụng không quá 50% (nhân hệ số $k = 0,5$) định mức biên tập bản thảo, thiết kế, chế bản (bản mẫu) để thực hiện tái bản.

(iii) Trường hợp xuất bản phẩm tái bản có sửa đổi bổ sung trên 30% nội dung thì được áp dụng từ 70 - 100% (nhân hệ số $k = 0,7$ đến $k = 1$) định mức biên tập bản thảo, thiết kế, chế bản (bản mẫu) để thực hiện tái bản.

Các nhà xuất bản có trách nhiệm đánh giá, báo cáo tỷ lệ nội dung sửa đổi, bổ sung của xuất bản phẩm tái bản để trình cơ quan chủ quản xem xét quyết định.

d) Xác định các chức danh lao động, mức hao phí nhân công:

(i) Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của bảng định mức áp dụng theo Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 07/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ; Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức Biên tập viên, Phóng viên, Biên dịch viên và Đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.

(ii) Trường hợp các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công không có trong Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 07/4/2016 thì áp dụng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

(iii) Trường hợp nhà xuất bản có chức danh lao động như quy định trong định mức nhưng không cùng cấp bậc lao động đã quy định thì cơ quan có thẩm quyền xem xét thực hiện một trong hai cách sau:

- Giữ nguyên cấp bậc lao động đã quy định trong định mức, đồng thời điều chỉnh mức hao phí lao động.

- Thay đổi cấp bậc lao động theo thực tế, đồng thời qui định mức hao phí về nhân công cho phù hợp.

Trong các trường hợp trên phải đảm bảo chi phí về nhân công không vượt quá chi phí nhân công tính từ định mức do UBND thành phố Đà Nẵng ban hành.

đ) Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản để lập phương án giá, dự toán thực hiện xuất bản phẩm: Các cơ quan, tổ chức khi xây dựng, đề xuất phương án giá, dự toán để thực hiện xuất bản phẩm sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành cần lưu ý:

(i) Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật để xác định các khoản chi phí trực tiếp đã quy định hao phí trong định mức.

(ii) Đối với các hoạt động trong sản xuất xuất bản phẩm nhưng không có trong định mức kinh tế - kỹ thuật này: Căn cứ điều kiện tổ chức sản xuất của nhà xuất bản, loại hình xuất bản phẩm và các quy định hiện hành của nhà nước, khi lập phương án giá, dự toán, nhà xuất bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt các khoản chi phí của các hoạt động nêu trên. Những chi phí liên quan đến nhiều hoạt động khác nhau thì phân bổ cho các sản phẩm, dịch vụ liên quan theo tiêu chí phù hợp.

(iii) Đối với những loại hình xuất bản phẩm chưa có trong định mức kinh tế - kỹ thuật này (như: sản xuất video, audio, hình ảnh động, bản đồ, chữ nổi,...) thì áp dụng theo các định mức liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc lập dự toán riêng đối với phần công đoạn phát sinh ngoài Định mức này để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định hiện hành.

Phân II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

Chương I

ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC TỔ CHỨC, KHAI THÁC BẢN THẢO

I. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC TỔ CHỨC, KHAI THÁC BẢN THẢO SÁCH

1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách để mua bản quyền

1.1. Tên định mức: Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách để mua bản quyền.

1.2. Thành phần công việc (của nhà xuất bản)

a) Tổ chức xây dựng kế hoạch đề tài:

- Khảo sát, thu thập thông tin có liên quan từ nguồn thông tin nội bộ, trong nước, ngoài nước phục vụ việc nghiên cứu thị trường xuất bản, nhu cầu thị hiếu của người đọc, nguồn cung cấp bản thảo, nơi nhận tiêu thụ;

- Nghiên cứu, tổng hợp thông tin thu thập được, lựa chọn đề tài, loại sách và bộ sách khai thác, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch xuất bản sách;

- Xây dựng kế hoạch xuất bản, lập hồ sơ đăng ký xuất bản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

- Lập phương án giá và dự toán xuất bản.

b) Giao dịch, thực hiện và theo dõi hợp đồng bản quyền.

- Liên hệ đối tác, lựa chọn đối tác có bản quyền, thương thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng bản quyền (Nếu là sách tiếng nước ngoài thì tính thêm thương thảo hợp đồng dịch và hiệu đính bản thảo);

- Giám sát quá trình thực hiện hợp đồng bản quyền.

c) Tổ chức nghiệm thu bản thảo theo hợp đồng bản quyền trước khi đưa vào biên tập.

1.3. Điều kiện áp dụng

1.3.1. Bản thảo mua bản quyền là bản thảo do Nhà xuất bản tự khai thác, mua bản quyền.

1.3.2. Định mức tính cho trường hợp bản thảo mua bản quyền là bản thảo dịch

thuộc nhóm ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc. Trường hợp bản thảo mua bản quyền là bản thảo dịch không thuộc nhóm ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc hoặc là bản thảo dịch tiếng dân tộc thiểu số thì định mức hao phí nhân công và sử dụng máy tính nhân với hệ số $k = 1,5$.

1.3.3. Định mức này tính cho công tác tổ chức, khai thác 01 bản thảo có 100 trang quy chuẩn. Trường hợp số trang quy chuẩn trong một bản thảo thực tế khác 100 thì định mức hao phí tính như sau:

$$\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * k_1$$

Trong đó:

- ĐM là mức hao phí cho 01 bản thảo có số trang quy chuẩn khác 100.
- ĐM_{100} là định mức hao phí cho 01 bản thảo có trang quy chuẩn bằng 100.
- Hệ số $k_1 = (\text{số trang quy chuẩn trong một quyển thực tính} / 100)$.

Ví dụ: Trong quyển sách cần tính hao phí có 200 trang quy chuẩn thì hao phí của quyển sách này là: $\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * (k_1) = \text{ĐM}_{100} * (200/100)$.

1.3.4. Định mức tính cho công tác tổ chức, khai thác 01 bản thảo sách có khổ quy chuẩn (quy định trong mục 4 Phần I. Hướng dẫn chung). Trường hợp khổ bản thảo thực tế khác khổ sách quy chuẩn thì Định mức được tính nhân hệ số $k_2 = (\text{diện tích khổ bản thảo thực tế} / \text{diện tích khổ sách quy chuẩn})$.

1.4. Bảng định mức

1.4.1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách mua bản quyền, thể loại sách văn học (văn xuôi, thơ), kịch bản sân khấu, điện ảnh, sách nhạc:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.01.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,4
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,6

	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	8,0
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	7,20
	Máy in laser A4	Ca	0,008

1.4.2. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách mua bản quyền, thể loại sách nghiên cứu về lý luận, chính trị, văn hóa, xã hội:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.01.02	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,41
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,51
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,6
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	6,02
	Máy in laser A4	Ca	0,008

1.4.3. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách mua bản quyền, thể loại sách khoa học - công nghệ, kỹ thuật, kinh tế, công trình khoa học:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.01.03	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04

Bút bi	Cái	2
Nhân công		
Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,21
Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,51
Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	7,10
Máy sử dụng		
Máy tính chuyên dụng	Ca	6,25
Máy in laser A4	Ca	0,008

1.4.4. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách mua bản quyền, thể loại sách phổ biến kiến thức về chính trị, văn hóa - xã hội, giáo dục, khoa học - công nghệ; sách giáo trình bậc sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, sách phương pháp cho giáo viên và phụ huynh, sách bài học, sách bài tập, sách cho giáo viên, sách chương trình mục tiêu (theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo), sách tham khảo phổ thông theo chương trình sách giáo khoa:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.01.04	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,14
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,32
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,20
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,72
	Máy in laser A4	Ca	0,008

1.4.5. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách mua bản quyền,

thể loại sách tra cứu, từ điển:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.01.05	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,14
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,32
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,7
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	4,12
	Máy in laser A4	Ca	0,008

1.4.6. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách mua bản quyền, thể loại sách thiếu nhi

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.01.06	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,14
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,37
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	5,2

	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	4,56
	Máy in laser A4	Ca	0,008

1.4.7. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách mua bản quyền, thể loại sách phóng tác, cải biên, chuyển thể, sưu tầm, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.01.07	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,14
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,37
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,7
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	4,16
	Máy in laser A4	Ca	0,008

1.4.8. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách mua bản quyền, thể loại sách dịch:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.01.08	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2

	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,22
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,53
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	7,3
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	6,44
	Máy in laser A4	Ca	0,008

2. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách đặt hàng

2.1. Tên định mức: Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách đặt hàng.

2.2. Thành phần công việc (của nhà xuất bản)

a) Tổ chức xây dựng kế hoạch đề tài:

- Nghiên cứu yêu cầu đặt hàng xuất bản phẩm của bên đặt hàng;
- Khảo sát, thu thập thêm thông tin về nguồn cung cấp bản thảo và các thông tin có liên quan ngoài thông tin do bên đặt hàng cung cấp để phục vụ việc xây dựng kế hoạch xuất bản sách;
- Xây dựng kế hoạch xuất bản, lập hồ sơ đăng ký xuất bản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;
- Lập dự toán xuất bản.

b) Giao dịch, thực hiện thương thảo hợp đồng, ký kết và theo dõi hợp đồng liên quan đến bản quyền:

- Liên hệ đối tác, lựa chọn đối tác, thương thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng bản quyền;
- Giám sát quá trình thực hiện hợp đồng liên quan đến bản quyền.

c) Tổ chức nghiệm thu bản thảo theo hợp đồng liên quan đến bản quyền trước khi đưa vào biên tập.

2.3. Điều kiện áp dụng

2.3.1. Bản thảo sách đặt hàng là bản thảo do nhà xuất bản tổ chức, khai thác để xuất bản theo yêu cầu đặt hàng của tổ chức/cơ quan.

2.3.2. Định mức tính cho trường hợp bản thảo sách đặt hàng là bản thảo dịch thuộc nhóm ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc, trường hợp bản thảo sách

đặt hàng là bản thảo dịch không thuộc nhóm ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc hoặc là bản thảo dịch tiếng dân tộc thiểu số thì định mức hao phí nhân công và sử dụng máy tính nhân với hệ số $k = 1,5$.

2.3.3. Định mức tính cho công tác tổ chức, khai thác 01 bản thảo sách, thể loại sáng tác, có 100 trang quy chuẩn. Trường hợp số trang quy chuẩn trong một bản thảo thực tế khác 100 thì định mức hao phí tính như sau:

$$\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * k_1$$

Trong đó:

- ĐM là mức hao phí cho 01 bản thảo có số trang quy chuẩn khác 100.
- ĐM_{100} là định mức hao phí cho 01 bản thảo có trang quy chuẩn bằng 100.
- Hệ số $k_1 = (\text{số trang chuẩn trong một bản thảo thực tính} / 100)$

Ví dụ: Trong bản thảo cần tính hao phí có 200 trang quy chuẩn thì hao phí của bản thảo này là: $\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * (k_1) = \text{ĐM}_{100} * (200/100)$.

2.3.4. Định mức tính cho công tác tổ chức, khai thác 01 bản thảo sách có khổ quy chuẩn (quy định trong mục 4 Phần I. Hướng dẫn chung). Trường hợp khổ bản thảo thực tế khác khổ sách quy chuẩn thì Định mức được tính nhân hệ số $k_2 = (\text{diện tích khổ bản thảo thực tế} / \text{diện tích khổ sách quy chuẩn})$.

2.4. Bảng định mức

2.4.1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách đặt hàng, thể loại sách văn học, kịch bản sân khấu, điện ảnh, sách nhạc:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.02.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,22
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,39
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	4,12

	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,78
	Máy in laser A4	Ca	0,008

2.4.2. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách đặt hàng, thể loại sách nghiên cứu về lý luận, chính trị, văn hóa, xã hội:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.02.02	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,13
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,37
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,88
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,50
	Máy in laser A4	Ca	0,008

2.4.3. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách đặt hàng, thể loại sách khoa học - công nghệ, kỹ thuật, kinh tế, công trình khoa học:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.02.03	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,05

	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,35
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,7
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,24
	Máy in laser A4	Ca	0,008

2.4.4. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách đặt hàng, thể loại sách phổ biến kiến thức về chính trị, văn hóa - xã hội, giáo dục, khoa học - công nghệ; sách giáo trình bậc sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, sách phương pháp cho giáo viên và phụ huynh, sách bài học, sách bài tập, sách vở bài tập, sách cho giáo viên, sách chương trình mục tiêu (theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo), sách tham khảo phổ thông theo chương trình sách giáo khoa:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.02.04	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,05
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,32
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,38
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,00
	Máy in laser A4	Ca	0,008

2.4.5. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách đặt hàng, thể loại sách tra cứu, từ điển:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.02.05	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20

	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,06
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,34
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,58
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,18
	Máy in laser A4	Ca	0,008

2.4.6. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách đặt hàng, thể loại sách thiếu nhi:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.02.06	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,34
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,6
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,50
	Máy in laser A4	Ca	0,008

2.4.7. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách đặt hàng, thể loại sách phóng tác, cải biên, chuyển thể, sưu tầm, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.02.07	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20

	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,32
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,40
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,98
	Máy in laser A4	Ca	0,008

2.4.8. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách đặt hàng, thể loại sách dịch:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.02.08	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,07
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,38
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,98
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,72
	Máy in laser A4	Ca	0,008

3. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách của tác giả đưa đến nhà xuất bản

3.1. Tên định mức: Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách của tác giả đưa đến nhà xuất bản.

3.2. Thành phần công việc (của nhà xuất bản)

a) Tổ chức xây dựng đề tài:

- Xem xét nội dung bản thảo và hồ sơ kèm theo do tác giả/đối tác mang đến;

- Khảo sát, thu thập thêm thông tin về nguồn cung cấp bản thảo và các thông tin có liên quan ngoài thông tin do tác giả cung cấp và trao đổi để làm rõ nội dung, chủ đề của tác phẩm để phục vụ việc xây dựng kế hoạch xuất bản;

- Xây dựng kế hoạch xuất bản, lập hồ sơ đăng ký xuất bản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

- Lập dự toán xuất bản.

b) Giao dịch, thực hiện thương thảo hợp đồng, ký kết và theo dõi hợp đồng bản quyền.

3.3. Điều kiện áp dụng:

3.3.1. Bản thảo sách của tác giả/đồng tác giả đưa đến NXB là bản thảo do tác giả đưa đến nhà xuất bản để xuất bản.

3.3.2. Định mức này tính cho công tác tổ chức, khai thác 01 bản thảo sách, thể loại sáng tác, có 100 trang quy chuẩn. Trường hợp số trang quy chuẩn trong một bản thảo thực tế khác 100 thì định mức hao phí tính như sau:

$$\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * k1$$

Trong đó:

- ĐM là mức hao phí cho 01 quyển sách có số trang chuẩn khác 100.
- ĐM_{100} là định mức hao phí cho 01 quyển sách có trang chuẩn bằng 100.
- Hệ số: $k1 = (\text{số trang chuẩn trong một quyển thực tính} / 100)$.

Ví dụ: Trong quyển sách cần tính hao phí có 200 trang chuẩn thì hao phí của quyển sách này bằng: $\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * (k1) = \text{ĐM}_{100} * (200/100)$.

3.3.3. Định mức này tính cho công tác tổ chức, khai thác 01 bản thảo sách có khổ quy chuẩn (quy định trong mục 4 Phần I. Hướng dẫn chung). Trường hợp khổ bản thảo thực tế khác khổ sách quy chuẩn thì Định mức được tính nhân hệ số $k2 = (\text{diện tích khổ bản thảo thực tế} / \text{diện tích khổ sách quy chuẩn})$.

3.4. Bảng định mức

3.4.1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo sách của tác giả đưa đến nhà xuất bản:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.01.03.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,20

	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,11
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,21
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	2,91
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,58
	Máy in laser A4	Ca	0,008

II. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC TỔ CHỨC, KHAI THÁC BẢN THẢO TRANH, ẢNH

1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh, ảnh mua bản quyền

1.1. Tên định mức: Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh, ảnh mua bản quyền.

1.2. Thành phần công việc (của nhà xuất bản)

a) Tổ chức xây dựng đề tài:

- Khảo sát, thu thập thông tin có liên quan từ nguồn thông tin nội bộ, trong nước, ngoài nước phục vụ việc nghiên cứu thị trường xuất bản, nhu cầu thị hiếu của người xem, nguồn cung cấp bản thảo, nơi nhận tiêu thụ;

- Nghiên cứu, tổng hợp thông tin thu thập được, lựa chọn đề tài, loại và bộ tranh, ảnh khai thác, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch xuất bản tranh, ảnh;

- Xây dựng kế hoạch xuất bản, lập hồ sơ đăng ký xuất bản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

- Lập phương án giá và dự toán xuất bản.

b) Giao dịch, thực hiện và theo dõi hợp đồng bản quyền:

- Liên hệ đối tác, lựa chọn đối tác, thương thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng bản quyền;

- Giám sát quá trình thực hiện hợp đồng bản quyền.

c) Tổ chức nghiệm thu bản thảo theo hợp đồng bản quyền trước khi đưa vào biên tập.

1.3. Điều kiện áp dụng

1.3.1. Bản thảo mua bản quyền là bản thảo do nhà xuất bản tự khai thác để đầu tư xuất bản.

1.3.2. Định mức này tính cho công tác khai thác 01 bản thảo sách tranh, ảnh có 100 bức tranh, ảnh. Trường hợp số tranh, ảnh trong một bản thảo thực tính khác 100 bức tranh, ảnh thì định mức hao phí tính như sau:

$$\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * k_1$$

Trong đó:

- ĐM là mức hao phí cho 01 bản thảo sách có số bức tranh, ảnh khác 100.
- ĐM_{100} là định mức hao phí cho 01 bản thảo sách có số bức tranh, ảnh bằng 100.
- Hệ số $k_1 = (\text{số tranh, ảnh trong một bản thảo thực tính}/100)$.

Ví dụ: Trong bản thảo sách tranh, ảnh cần tính hao phí có 200 bức thì hao phí của bản thảo sách này là: $\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * (k_1) = \text{ĐM}_{100} * (200/100)$.

1.4. Bảng định mức

1.4.1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh mua bản quyền, thể loại bức tranh độc lập:

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.01.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,01
	Mực in laser A4	Hộp	0,002
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,05
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,13
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,8

	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,59
	Máy in laser A4	Ca	0,0004

1.4.2. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh mua bản quyền, thể loại sách tranh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo sách tranh (100 bức tranh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.01.02	Vật liệu sử dụng		
	Giấy	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,040
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,2
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,65
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	7,53
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	6,70
	Máy in laser A4	Ca	0,0083

1.4.3. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh mua bản quyền, thể loại truyện tranh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo truyện tranh (100 bức tranh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.01.03	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,040
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,21
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,67

	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	7,73
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	6,88
	Máy in laser A4	Ca	0,0083

1.4.4. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo ảnh mua bản quyền, thể loại bức ảnh độc lập:

Đơn vị tính: 01 bức ảnh

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.01.04	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,01
	Mực in laser A4	Hộp	0,002
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,04
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,13
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,75
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,55
	Máy in laser A4	Ca	0,0004

1.4.5. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo ảnh mua bản quyền, thể loại sách ảnh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo sách ảnh (100 bức ảnh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.01.05	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,040
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		

	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,18
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,60
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	7,02
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	6,24
	Máy in laser A4	Ca	0,0083

2. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh, ảnh đặt hàng

2.1. Tên định mức: Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh, ảnh đặt hàng xuất bản.

2.2. Thành phần công việc (của nhà xuất bản)

a) Tổ chức xây dựng đề tài:

- Nghiên cứu yêu cầu đặt hàng xuất bản phẩm của bên đặt hàng;
- Khảo sát, thu thập thêm thông tin về nguồn cung cấp bản thảo và các thông tin có liên quan ngoài thông tin do bên đặt hàng cung cấp để phục vụ việc xây dựng kế hoạch xuất bản;
- Xây dựng kế hoạch xuất bản, lập hồ sơ đăng ký xuất bản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;
- Lập dự toán xuất bản.

b) Giao dịch, thực hiện thương thảo hợp đồng, ký kết và theo dõi hợp đồng liên quan đến bản quyền;

- Liên hệ đối tác, lựa chọn đối tác, thương thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng bản quyền;
- Giám sát quá trình thực hiện hợp đồng bản quyền.

c) Tổ chức nghiệm thu bản thảo theo hợp đồng bản quyền trước khi đưa vào biên tập.

2.3. Điều kiện áp dụng

2.3.1. Bản thảo đặt hàng là bản thảo nhà xuất bản tổ chức, khai thác để xuất bản theo yêu cầu đặt hàng của cơ quan, tổ chức đặt hàng.

2.3.2. Định mức này tính cho công tác tổ chức, khai thác 01 bản thảo sách tranh, sách ảnh có 100 bức tranh, ảnh. Trường hợp số tranh, ảnh trong một bản thảo thực tính khác 100 bức tranh, ảnh thì định mức hao phí tính như sau:

$$\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * k1$$

Trong đó:

- ĐM là mức hao phí cho 01 bản thảo sách có số bức tranh, ảnh khác 100.
- ĐM100 là định mức hao phí cho 01 bản thảo sách có số bức tranh, ảnh bằng 100.
- Hệ số k1 = (số tranh, ảnh trong một quyển thực tính/100).

Ví dụ: Trong quyển sách tranh, ảnh cần tính hao phí có 200 bức thì hao phí của quyển sách này là: $\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * (k1) = \text{ĐM}_{100} * (200/100)$.

2.4. Bảng định mức

2.4.1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh đặt hàng xuất bản, thể loại bức tranh độc lập:

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.02.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,01
	Mực in laser A4	Hộp	0,002
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,02
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,1
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,38
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,20
	Máy in laser A4	Ca	0,0004

2.4.2. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh đặt hàng xuất bản, thể loại sách tranh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo (100 bức tranh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.02.02	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,20

	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,13
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,30
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,00
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	5,14
	Máy in laser A4	Ca	0,0083

2.4.3. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh đặt hàng xuất bản, thể loại truyện tranh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo (100 bức tranh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.02.03	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,14
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,33
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	6,3
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	5,42
	Máy in laser A4	Ca	0,0083

2.4.4. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo ảnh đặt hàng xuất bản, thể loại bức ảnh độc lập:

Đơn vị tính: 01 bức ảnh

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.02.04	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,01
	Mực in laser A4	Hộp	0,002
	Bút bi	Cái	1
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,02
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,1
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,35
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,17
	Máy in laser A4	Ca	0,0004

2.4.5. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo ảnh đặt hàng xuất bản, thể loại sách ảnh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo (100 bức ảnh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.02.05	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,12
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,28
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	5,81
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	4,96
	Máy in laser A4	Ca	0,0083

3. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh, ảnh của tác giả đưa đến nhà xuất bản

3.1. Tên định mức: Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh, ảnh của tác giả đưa đến nhà xuất bản.

3.2. Thành phần công việc (của nhà xuất bản)

a) Tổ chức xây dựng đề tài:

- Xem xét nội dung bản thảo và hồ sơ kèm theo do tác giả đưa đến;
- Khảo sát, thu thập thêm thông tin có liên quan ngoài thông tin do tác giả cung cấp và trao đổi để làm rõ nội dung, chủ đề của tác phẩm, nguồn cung cấp bản thảo để phục vụ việc xây dựng kế hoạch xuất bản;
- Xây dựng kế hoạch xuất bản, lập hồ sơ đăng ký xuất bản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;
- Lập dự toán xuất bản.

b) Giao dịch, thực hiện thương thảo hợp đồng, ký kết và theo dõi hợp đồng bản quyền.

3.3. Điều kiện áp dụng

3.3.1. Bản thảo tranh, ảnh của tác giả đưa đến NXB là bản thảo tranh, ảnh do tác giả đưa đến nhà xuất bản để xuất bản.

3.3.2. Định mức tính cho công tác tổ chức, khai thác 01 bản thảo sách tranh, sách ảnh có 100 bức tranh, ảnh. Trường hợp số tranh, ảnh trong một bản thảo thực tính khác 100 bức tranh, ảnh thì định mức hao phí tính như sau:

$$\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * k_1$$

Trong đó:

- ĐM là mức hao phí cho 01 bản thảo sách có số bức tranh, ảnh khác 100.
- ĐM_{100} là định mức hao phí cho 01 bản thảo sách có số bức tranh, ảnh bằng 100.
- Hệ số $k_1 = (\text{số tranh, ảnh trong một bản thảo thực tính} / 100)$.

Ví dụ: Trong bản thảo sách tranh, ảnh cần tính hao phí có 200 bức tranh, ảnh thì hao phí của bản thảo sách này là: $\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * (k_1) = \text{ĐM}_{100} * (200/100)$.

3.4. Bảng định mức

3.4.1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh của tác giả đưa đến nhà xuất bản, thể loại bức tranh độc lập:

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.03.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,01
	Mực in laser A4	Hộp	0,002
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,02
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,05
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,68
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,60
	Máy in laser A4	Ca	0,0004

3.4.2. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh của tác giả đưa đến nhà xuất bản, thể loại sách tranh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo (100 bức tranh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.03.02	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,13
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,25
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,5
	Máy sử dụng		

	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,10
	Máy in laser A4	Ca	0,0083

3.4.3. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo tranh của tác giả đưa đến nhà xuất bản, thể loại truyện tranh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo (100 bức tranh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.03.03	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,14
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,28
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,8
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,38
	Máy in laser A4	Ca	0,0083

3.4.4. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo ảnh của tác giả đưa đến nhà xuất bản, thể loại bức ảnh độc lập:

Đơn vị tính: 01 bức ảnh

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.03.04	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,01
	Mực in laser A4	Hộp	0,002
	Bút bi	Cái	1
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,02

	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,05
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,65
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,57
	Máy in laser A4	Ca	0,0004

3.4.5. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo ảnh của tác giả đưa đến nhà xuất bản, thể loại sách ảnh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo (100 bức ảnh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.02.03.05	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,12
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,23
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	3,30
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,92
	Máy in laser A4	Ca	0,0083

III. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC TỔ CHỨC, KHAI THÁC BẢN THẢO ÁP-PHÍCH, TỜ RỜI, TỜ GẤP

1. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo áp-phích, tờ rời, tờ gấp đặt hàng

1.1. Tên định mức: Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo áp-phích, tờ rời, tờ gấp đặt hàng xuất bản.

1.2. Thành phần công việc (của nhà xuất bản)

a) Tổ chức xây dựng đề tài:

- Nghiên cứu yêu cầu đặt hàng xuất bản phẩm của bên đặt hàng;
 - Khảo sát, thu thập thêm thông tin về nguồn cung cấp bản thảo và các thông tin có liên quan ngoài thông tin do bên đặt hàng cung cấp để phục vụ việc xây dựng kế hoạch xuất bản;
 - Xây dựng kế hoạch xuất bản, lập hồ sơ đăng ký xuất bản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;
 - Lập dự toán xuất bản.
- b) Giao dịch, thực hiện và theo dõi hợp đồng bản quyền;
- Liên hệ đối tác, lựa chọn đối tác, thương thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng bản quyền;
 - Giám sát quá trình thực hiện hợp đồng bản quyền.
- c) Tổ chức nghiệm thu bản thảo theo hợp đồng bản quyền trước khi đưa vào biên tập.

1.3. Điều kiện áp dụng

Bản thảo áp-phích, tờ rời, tờ gấp đặt hàng là bản thảo do nhà xuất bản tổ chức, khai thác để xuất bản theo yêu cầu đặt hàng của cơ quan, tổ chức.

1.4. Bảng định mức

Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo áp-phích, tờ rời, tờ gấp đặt hàng xuất bản:

Đơn vị tính: 01 áp-phích, tờ rời, tờ gấp

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.03.01.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,01
	Mực in laser A4	Hộp	0,002
	Bút bi	Cái	1
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 3/6	Công	0,03
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,11
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,5

	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,31
	Máy in laser A4	Ca	0,0004

2. Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo áp-phích, tờ rời, tờ gấp của tác giả đưa đến nhà xuất bản

2.1. Tên định mức: Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo áp-phích, tờ rời, tờ gấp của tác giả đưa đến nhà xuất bản.

2.2. Thành phần công việc (của nhà xuất bản)

a) Tổ chức xây dựng đề tài:

- Xem xét nội dung bản thảo và hồ sơ kèm theo do tác giả đưa đến;
- Khảo sát, thu thập thêm thông tin về nguồn cung cấp bản thảo và các thông tin có liên quan ngoài thông tin do tác giả cung cấp và trao đổi để làm rõ nội dung, chủ đề của tác phẩm để phục vụ việc xây dựng kế hoạch xuất bản;
- Xây dựng kế hoạch xuất bản, lập hồ sơ đăng ký xuất bản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Lập dự toán xuất bản.

b) Giao dịch, thực hiện thương thảo hợp đồng, ký kết và theo dõi hợp đồng bản quyền.

2.3. Điều kiện áp dụng

Bản thảo áp-phích, tờ rời, tờ gấp của tác giả đưa đến NXB là bản thảo do tác giả gửi đến nhà xuất bản để xuất bản.

2.4. Bảng định mức

Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo áp-phích, tờ rời, tờ gấp của tác giả đưa đến nhà xuất bản:

Đơn vị tính: 01 áp-phích, tờ rời, tờ gấp

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
01.03.02.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,01
	Mực in laser A4	Hộp	0,002

	Bút bi	Cái	1
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng II bậc 5/8	Công	0,04
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,85
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,71
	Máy in laser A4	Ca	0,0004

Chương II

ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC BIÊN TẬP BẢN THẢO

I. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC BIÊN TẬP NGÔN NGỮ CỦA BẢN THẢO

1. Tên định mức: Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo.

2. Thành phần công việc

- a) Đọc bản thảo để đánh giá, nhận xét bản thảo; ghi chú bên lề bản thảo;
- b) Viết phiếu biên tập bản thảo, đề xuất phương hướng hoàn thiện bản thảo, đề xuất thuê thẩm định (nếu cần);
- c) Trao đổi với tác giả và chuyên gia thẩm định (nếu có) để xử lý bản thảo;
- d) Đọc bông để phát hiện lỗi còn chưa sửa;
- đ) Chỉnh sửa các lỗi của bản thảo trong phạm vi trách nhiệm của nhà xuất bản để hoàn thiện bản thảo.

3. Điều kiện áp dụng

3.1. Định mức tính cho biên tập ngôn ngữ của 01 bản thảo sách có số lượng 100 trang quy chuẩn. Trường hợp số trang quy chuẩn trong một bản thảo sách thực tế khác 100 thì định mức hao phí tính như sau:

$$\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * k_1$$

Trong đó:

- ĐM là mức hao phí cho 01 bản thảo sách có số trang quy chuẩn khác 100.
- ĐM_{100} là định mức hao phí cho 01 bản thảo sách có trang quy chuẩn bằng 100.
- Hệ số $k_1 = (\text{số trang quy chuẩn trong một quyển thực tính} / 100)$.

Ví dụ: Trong bản thảo sách cần tính hao phí có 200 trang quy chuẩn thì hao phí của bản thảo sách này là: $\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * (k_1) = \text{ĐM}_{100} * (200/100)$.

3.2. Định mức tính cho công tác biên tập ngôn ngữ của 01 bản thảo sách có khổ sách quy chuẩn (quy định trong mục 4 Phần I. Hướng dẫn chung). Trường hợp khổ bản thảo thực tế khác khổ sách quy chuẩn thì Định mức các thành phần hao phí được tính nhân hệ số $k_2 = (\text{diện tích khổ bản thảo thực tế} / \text{diện tích khổ sách chuẩn})$.

3.3. Định mức tính cho công tác biên tập bản thảo sách dịch thuộc nhóm ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc. Trường hợp bản thảo sách dịch không thuộc nhóm ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc hoặc bản thảo sách dịch là

tiếng dân tộc thiểu số thì định mức hao phí nhân công và sử dụng máy tính nhân với hệ số $n = 1,5$.

4. Bảng định mức

4.1. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác

4.1.1. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác, sách văn học (văn xuôi, thơ), kịch bản sân khấu, điện ảnh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,36
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,65
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	7,64
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	8,53
	Máy in laser A4	Ca	0,02

4.1.2. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác, sách nhạc:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.02	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	0,59

	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	0,68
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	5,78
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	5,64
	Máy in laser A4	Ca	0,0208

4.1.3. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác, sách nghiên cứu về lý luận, chính trị, văn hóa, xã hội:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.03	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,73
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	2,12
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	10,29
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	11,31
	Máy in laser A4	Ca	0,02

4.1.4. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác, sách luật:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.04	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10

Bút bi	Cái	2
Nhân công		
Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,73
Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	2,07
Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	12,71
Máy sử dụng		
Máy tính chuyên dụng	Ca	13,20
Máy in laser A4	Ca	0,02

4.1.5. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác, sách khoa học - công nghệ, kỹ thuật, kinh tế, công trình khoa học:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.05	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,62
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,88
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	11,86
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	12,29
	Máy in laser A4	Ca	0,02

4.1.6. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác, sách giáo trình bậc sau đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, sách phương pháp cho giáo viên và phụ huynh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.06	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,62
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,88
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	12,86
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	13,09
	Máy in laser A4	Ca	0,02

4.1.7. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác, sách tra cứu, từ điển:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.07	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,60
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,88
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	11,62
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	12,08
	Máy in laser A4	Ca	0,02

4.1.8. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác, sách thiếu nhi:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.08	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,28
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,57
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	7,24
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	8,08
	Máy in laser A4	Ca	0,02

4.1.9. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác, sách phổ biến kiến thức về chính trị, văn hóa xã hội, giáo dục, khoa học công nghệ:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.09	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,55
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,84
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	10,14

	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	10,83
	Máy in laser A4	Ca	0,02

4.1.10. Định mức công tác biên tập bản thảo ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sáng tác, sách bài học, sách bài tập, sách vở bài tập, sách cho giáo viên, sách chương trình mục tiêu (theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo), sách tham khảo phổ thông theo chương trình sách giáo khoa:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.10	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,55
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,89
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	10,5
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	11,15
	Máy in laser A4	Ca	0,02

4.2. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại phóng tác, cải biên, chuyển thể, sưu tầm, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển

4.2.1. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại phóng tác, cải biên, chuyển thể, chú giải:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.11	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,50

	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,52
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,77
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	9,14
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	9,95
	Máy in laser A4	Ca	0,02

4.2.2. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sách sưu tầm, tuyển tập, hợp tuyển:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.12	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,3
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,52
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	7,33
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	8,12
	Máy in laser A4	Ca	0,02

4.3. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại dịch

4.3.1. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sách dịch từ tiếng Việt ra tiếng dân tộc khác:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.13	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,93
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	2,48
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	11,65
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	12,86
	Máy in laser A4	Ca	0,02

4.3.2. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo, thể loại sách dịch từ tiếng dân tộc khác ra tiếng Việt:

Đơn vị tính: 01 bản thảo

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.01.01.14	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,62
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,92
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	11,74
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	12,23
	Máy in laser A4	Ca	0,02

II. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC BIÊN TẬP BẢN THẢO TRANH, ẢNH

1. Tên định mức: Định mức công tác biên tập tranh, ảnh.

2. Thành phần công việc

- a) Đọc bản thảo để đánh giá, nhận xét bản thảo; ghi chú bên lề bản thảo;
- b) Viết phiếu biên tập bản thảo, đề xuất phương hướng hoàn thiện bản thảo, đề xuất thuê thẩm định (nếu cần);
- c) Trao đổi với tác giả và chuyên gia thẩm định (nếu có) để xử lý bản thảo;
- d) Đọc bông để phát hiện lỗi còn chưa sửa;
- đ) Chỉnh sửa các lỗi của bản thảo trong phạm vi trách nhiệm của nhà xuất bản để hoàn thiện bản thảo.

3. Điều kiện áp dụng

Định mức tính cho công tác biên tập 01 bản thảo sách tranh, sách ảnh có 100 bức tranh, ảnh. Trường hợp số tranh, ảnh trong một bản thảo thực tính khác 100 bức tranh, ảnh thì định mức hao phí tính như sau:

$$\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * k1$$

Trong đó:

- ĐM là mức hao phí cho 01 bản thảo sách có số bức tranh, ảnh khác 100.
- ĐM_{100} là định mức hao phí cho 01 bản thảo sách có số bức tranh, ảnh bằng 100.
- Hệ số $k1 = (\text{số tranh, ảnh trong một bản thảo thực tính} / 100)$.

Ví dụ: Trong bản thảo sách tranh, ảnh cần tính hao phí có 200 bức thì hao phí của bản thảo sách này là: $\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * (k1) = \text{ĐM}_{100} * (200/100)$.

4. Bảng định mức

4.1. Định mức công tác biên tập tranh, ảnh

4.1.1. Định mức công tác biên tập tranh, thể loại bức tranh độc lập:

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.02.01.01	Vật liệu sử dụng		

	Giấy in A4	Ram	0,004
	Mực in laser A4	Hộp	0,0008
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	0,02
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	0,02
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	0,88
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,75
	Máy in laser A4	Ca	0,0002

4.1.2. Định mức công tác biên tập tranh, thể loại tranh minh họa cho sách:

Đơn vị tính: 01 bức tranh

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.02.01.02	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,004
	Mực in laser A4	Hộp	0,0008
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	0,01
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	0,01
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	0,37
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,31
	Máy in laser A4	Ca	0,0002

4.1.3. Định mức công tác biên tập ảnh, thể loại bức ảnh độc lập:

Đơn vị tính: 01 bức ảnh

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.02.01.03	Vật liệu sử dụng		

	Giấy in A4	Ram	0,004
	Mực in laser A4	Hộp	0,0008
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	0,02
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	0,02
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	0,74
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,62
	Máy in laser A4	Ca	0,0002

4.1.4. Định mức công tác biên tập ảnh, thể loại ảnh minh họa cho sách:

Đơn vị tính: 01 bức ảnh

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.02.01.04	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,004
	Mực in laser A4	Hộp	0,0008
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	0,02
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	0,02
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	0,29
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,26
	Máy in laser A4	Ca	0,0002

4.2. Định mức công tác biên tập bản thảo sách tranh, sách ảnh

4.2.1. Định mức công tác biên tập bản thảo sách tranh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo (100 bức tranh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.02.02.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	1
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,00
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,04
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	14,39
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	13,14
	Máy in laser A4	Ca	0,0208

4.2.2. Định mức công tác biên tập bản thảo sách ảnh:

Đơn vị tính: 01 bản thảo (100 bức ảnh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.02.02.02	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	1
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1,00
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,04
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	13,39
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	12,34
	Máy in laser A4	Ca	0,0208

4.3. Định mức công tác biên tập bản thảo truyện tranh

Đơn vị tính: 01 bản thảo (100 bức tranh)

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.02.02.03	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,50
	Mực in laser A4	Hộp	0,10
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	1
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	1,04
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	12,89
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	11,94
	Máy in laser A4	Ca	0,0208

III. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC BIÊN TẬP BẢN THẢO ÁP-PHÍCH, TỜ RỜI, TỜ GẤP

1. **Tên định mức:** Định mức công tác biên tập bản thảo áp-phích, tờ rời, tờ gấp.
2. **Thành phần công việc**
 - a) Đọc bản thảo để đánh giá, nhận xét bản thảo; ghi chú bên lề bản thảo;
 - b) Viết phiếu biên tập bản thảo, đề xuất phương hướng hoàn thiện bản thảo, đề xuất thuê thẩm định (nếu cần);
 - c) Trao đổi với tác giả và chuyên gia thẩm định (nếu có) để xử lý bản thảo;
 - d) Đọc bông để phát hiện lỗi còn chưa sửa;
 - đ) Chỉnh sửa các lỗi của bản thảo trong phạm vi trách nhiệm của nhà xuất bản để hoàn thiện bản thảo.

3. Điều kiện áp dụng

Định mức tính cho biên tập bản thảo của 01 áp-phích, tờ rời, tờ gấp không quá 700 chữ. Trường hợp số chữ trong 01 áp-phích, tờ rời, tờ gấp thực tính > 700 chữ thì Định mức hao phí được tính như sau:

$$\text{ĐM} = \text{ĐM}_{700} * k1$$

Trong đó:

- ĐM là mức hao phí cho công tác biên tập 01 áp-phích, tờ rời, tờ gấp > 700 chữ.
- ĐM₇₀₀ là định mức hao phí cho công tác biên tập 01 áp-phích, tờ rời, tờ gấp có 700 chữ.
- Hệ số k1 = (số chữ trong 01 áp-phích, tờ rời, tờ gấp thực tính / 700)

4. Bảng định mức

4.1. Định mức công tác biên tập bản thảo áp-phích

Đơn vị tính: 01 tờ áp-phích

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.03.01.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,004
	Mực in laser A4	Hộp	0,0008
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	0,02
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	0,02
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	1,64
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,35
	Máy in laser A4	Ca	0,0002

4.2. Định mức công tác biên tập bản thảo tờ rời, tờ gấp

4.2.1. Định mức công tác biên tập ngôn ngữ của bản thảo tờ rời, tờ gấp:

Đơn vị tính: 01 tờ rời, tờ gấp 700 chữ

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.03.02.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,01
	Mực in laser A4	Hộp	0,002
	Bút bi	Cái	1
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	0,36
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	0,37
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	2,55
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,62
	Máy in laser A4	Ca	0,0004

4.2.2. Định mức công tác biên tập tranh, ảnh của bản thảo tờ rời, tờ gấp:

Đơn vị tính: 01 bức tranh, ảnh

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
02.03.02.02	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,004
	Mực in laser A4	Hộp	0,0008
	Bút bi	Cái	1
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng I bậc 1/6	Công	0,02
	Biên tập viên hạng II bậc 3/8	Công	0,02
	Biên tập viên hạng III bậc 4/9	Công	0,29
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	0,26
	Máy in laser A4	Ca	0,0002

Chương III

ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN XUẤT BẢN PHẨM IN

I. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THIẾT KẾ, CHẾ BẢN SÁCH IN

1. Tên định mức: Định mức công tác thiết kế, chế bản sách in.

2. Thành phần công việc

a) Tiếp nhận, đọc sơ bộ bản thảo đã được biên tập để hiểu nội dung và đề xuất ý tưởng thiết kế, chế bản phù hợp;

b) Trao đổi với biên tập viên và tác giả để hiểu yêu cầu và thống nhất ý tưởng thiết kế, chế bản với biên tập viên và tác giả;

c) Thực hiện thiết kế, chế bản theo ý tưởng đã thống nhất;

d) Chỉnh sửa thiết kế để hoàn thiện đến khi được duyệt.

3. Điều kiện áp dụng

3.1. Định mức này tính cho công tác thiết kế, trình bày ma-kết trang bên trong của 01 quyển sách, có 100 trang quy chuẩn. Trường hợp số trang quy chuẩn trong một quyển sách thực tế khác 100 thì định mức hao phí tính như sau:

$$\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * k_1$$

Trong đó:

- ĐM là mức hao phí cho 01 quyển sách có số trang quy chuẩn khác 100.
- ĐM_{100} là định mức hao phí cho 01 quyển sách có trang chuẩn bằng 100.
- Hệ số $k_1 = (\text{số trang quy chuẩn trong một quyển thực tế} / 100)$.

Ví dụ: Trong quyển sách cần tính hao phí có 200 trang quy chuẩn thì hao phí của quyển sách này là: $\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * (k_1) = \text{ĐM}_{100} * (200/100)$.

3.2. Định mức này tính cho công tác thiết kế trình bày ma-kết 01 quyển sách có khổ sách quy chuẩn (quy định trong mục 4 Phần I. Hướng dẫn chung). Trường hợp khổ sách thực tế khác khổ sách quy chuẩn thì Định mức được tính nhân hệ số $k_2 = (\text{diện tích khổ sách thực tế} / \text{diện tích khổ sách quy chuẩn})$.

4. Bảng định mức

4.1. Định mức công tác thiết kế, trình bày trang bìa ngoài sách in

4.1.1. Định mức công tác thiết kế, trình bày trang bìa ngoài sách in, bìa cơ bản, đơn giản, hài hoà giữa chữ và hình ảnh minh họa:

Đơn vị tính: 01 bìa ngoài

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.01.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Tờ	0,008
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,002
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,30
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	0,66
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	1,37
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,62
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0003

4.1.2. Định mức công tác thiết kế, trình bày trang bìa ngoài sách in, yêu cầu bìa phức tạp, sử dụng nhiều hiệu ứng hình ảnh, màu sắc:

Đơn vị tính: 01 bìa ngoài

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.01.02	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,008
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,002
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,52
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,26
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	2,58
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,07
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0003

4.2. Định mức công tác thiết kế, trình bày trang ruột sách in

4.2.1. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-két ruột sách in thuần chữ:

Đơn vị tính: 100 trang

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.02.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,8
	Mực in laser A4	Hộp	0,16
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,32
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	0,63
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	1,71
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,87
	Máy in laser A4	Ca	0,0333

4.2.2. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-két ruột sách in thuần tranh, ảnh:

Đơn vị tính: 100 trang

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.02.02	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,8
	Mực in laser A4	Hộp	0,16
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,93
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	2,02
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	8,47
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	9,94
	Máy in laser A4	Ca	0,0333

4.2.3. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-két ruột sách in thuần bảng biểu, hộp chữ:

Đơn vị tính: 100 trang

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.02.03	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,8
	Mực in laser A4	Hộp	0,16
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,64
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,71
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	7,17
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	8,56
	Máy in laser A4	Ca	0,0333

4.2.4. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-két ruột sách in hỗn hợp gồm: chữ, tranh, ảnh, bảng biểu, hộp chữ:

Đơn vị tính: 100 trang

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.02.04	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,8
	Mực in laser A4	Hộp	0,16
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	2,20
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	2,3
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	9,65
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	11,52
	Máy in laser A4	Ca	0,0333

4.2.5. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-kết ruột sách in hỗn hợp gồm: chữ, tranh, ảnh:

Đơn vị tính: 100 trang

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.02.05	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,8
	Mực in laser A4	Hộp	0,16
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,65
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,73
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	8,20
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	8,64
	Máy in laser A4	Ca	0,0333

4.2.6. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-kết ruột sách in hỗn hợp gồm: chữ, bảng biểu, hộp chữ:

Đơn vị tính: 100 trang

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.02.06	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,8
	Mực in laser A4	Hộp	0,16
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,23
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,28
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	6,09
	<i>Máy sử dụng</i>		

	Máy tính chuyên dụng	Ca	6,42
	Máy in laser A4	Ca	0,0333

4.3. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-kết áp-phích

4.3.1. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-kết áp-phích tuyên truyền đáp ứng đầy đủ thông tin, yêu cầu đạt về mỹ thuật:

Đơn vị tính: 01 áp-phích

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.02.07	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,02
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,004
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,56
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	2,06
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	6,38
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	7,20
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0008

4.3.2. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-kết áp-phích tuyên truyền đáp ứng đầy đủ thông tin, yêu cầu đặc sắc về mỹ thuật:

Đơn vị tính: 01 áp-phích

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.02.08	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,02
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,004
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,44

	Họa sĩ bậc 5/9	Công	5,69
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	7,38
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	11,60
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0008

4.4. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-kết tờ rời, tờ gấp

4.4.1. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-kết tờ rời, tờ gấp khổ A3:

Đơn vị tính: 01 trang khổ A3

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.02.09	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,016
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,003
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,50
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,44
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	2,88
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	3,85
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0007

4.4.2. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-kết tờ rời, tờ gấp khổ A4:

Đơn vị tính: 01 trang khổ A4

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.01.02.10	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,008
	Mực in laser A4 màu	Hộp	0,002

	Bút bi	Cái	1,00
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,50
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,06
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	2,13
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,95
	Máy in laser A4 màu	Ca	0,0003

II. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC IN BẢN CAN

1. Tên định mức: Định mức công tác in bản can khổ A4.

2. Thành phần công việc

- Kết nối máy tính với máy in giấy can, nạp giấy can vào máy in;
- Khởi động máy tính và máy in, đặt các thông số in và thực hiện lệnh in trên máy tính; kiểm tra, đánh giá chất lượng bản in kiểm tra trước khi in chính thức; theo dõi quá trình in và kiểm tra kết quả in.

3. Bảng định mức

Đơn vị tính: 100 tờ can khổ A4

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
03.02.01.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy can A4	Tờ	105
	Mực in laser A4	Hộp	0,21
	Vật liệu phụ	%	5
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,026
	Máy sử dụng		
	Máy in Laser A4 - Chuyên in giấy can	Ca	0,026
	Máy tính chuyên dùng	Ca	0,026

Chương IV

ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC LÀM SÁCH ĐIỆN TỬ

1. Tên định mức: Định mức công tác làm sách điện tử.

2. Thành phần công việc

- a) Tiếp nhận, đọc sơ bộ bản thảo đã được biên tập để hiểu nội dung;
- b) Xem xét các yêu cầu về bố cục, giao diện, dung lượng dữ liệu, đề xuất ý tưởng thiết kế, thống nhất ý tưởng thiết kế với ban biên tập và tác giả;
- c) Thực hiện thiết kế theo ý tưởng thiết kế đã được thống nhất đến khi được phê duyệt;
- d) Xử lý các dữ liệu đa phương tiện (dữ liệu multimedia) (nếu có);
- đ) Làm sách điện tử;
- e) Ghi đĩa nộp lưu chiểu và cài đặt lên trang Web để giới thiệu, phát hành sách điện tử.

3. Điều kiện áp dụng

Định mức này tính cho công tác thiết kế, trình bày ma-két trang bên trong của 01 bản thảo sách có 100 trang quy chuẩn. Trường hợp số trang chuẩn trong một bản thảo sách thực tế khác 100 thì định mức hao phí tính như sau:

$$\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * k1$$

Trong đó:

- ĐM là mức hao phí cho 01 bản thảo sách có số trang quy chuẩn khác 100.
- ĐM_{100} là định mức hao phí cho 01 bản thảo sách có trang quy chuẩn bằng 100.
- Hệ số $k1 = (\text{số trang quy chuẩn trong một bản thảo sách thực tính} / 100)$.

Ví dụ: Trong một bản thảo sách cần tính hao phí có 200 trang quy chuẩn thì hao phí của bản thảo sách này là: $\text{ĐM} = \text{ĐM}_{100} * (k1) = \text{ĐM}_{100} * (200/100)$.

4. Bảng định mức

4.1. Định mức công tác thiết kế layout sách điện tử

Đơn vị tính: 01 trang layout

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
04.01.01.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,008
	Mực in laser A4	Hộp	0,002
	Bút bi	Cái	2
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,23
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	0,38
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	1,33
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,37
	Máy in laser A4	Ca	0,0003

4.2. Định mức công tác thiết kế, trình bày trang bìa ngoài sách điện tử

4.2.1. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-két trang bìa ngoài sách điện tử, yêu cầu bìa đơn giản, hài hòa giữa chữ và hình ảnh minh họa:

Đơn vị tính: 01 trang bìa ngoài

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
04.02.01.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,002
	Mực in laser A4	Hộp	0,0004
	Bút bi	Cái	1
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,25
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	0,58
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	1,18
	<i>Máy sử dụng</i>		

	Máy tính chuyên dụng	Ca	1,40
	Máy in laser A4	Ca	0,0001

4.2.2. Định mức công tác thiết kế, trình bày ma-két trang bìa ngoài sách điện tử, yêu cầu bìa phức tạp, sử dụng nhiều hiệu ứng hình ảnh, màu sắc:

Đơn vị tính: 01 trang bìa ngoài

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
04.02.02.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,002
	Mực in laser A4	Hộp	0,0004
	Bút bi	Cái	1
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,48
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,15
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	2,31
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	2,76
	Máy in laser A4	Ca	0,0001

4.3. Định mức công tác thiết kế, trình bày các trang bên trong sách điện tử

4.3.1. Định mức công tác thiết kế, trình bày trang bên trong sách điện tử, thuần chữ:

Đơn vị tính: 100 trang ruột sách

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
04.03.01.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,2
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,75

	Họa sĩ bậc 5/9	Công	1,83
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	7,67
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	9,16
	Máy in laser A4	Ca	0,0083

4.3.2. Định mức công tác trình bày trang bên trong sách điện tử, thuần tranh, ảnh:

Đơn vị tính: 100 trang ruột sách

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
04.03.02.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2,00
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	2,28
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	2,38
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	9,97
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	11,91
	Máy in laser A4	Ca	0,01

4.3.3. Định mức công tác trình bày trang bên trong sách điện tử, thuần bảng biểu, hộp chữ:

Đơn vị tính: 100 trang ruột sách

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
04.03.03.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2,00

	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	1,93
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	2,01
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	8,44
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	10,08
	Máy in laser A4	Ca	0,01

4.3.4. Định mức công tác trình bày trang bên trong sách điện tử hỗn hợp gồm: chữ, tranh, ảnh, bảng biểu, hộp chữ:

Đơn vị tính: 100 trang ruột sách

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
04.03.04.01	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in A4	Ram	0,20
	Mực in laser A4	Hộp	0,04
	Bút bi	Cái	2,00
	Nhân công		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	2,59
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	2,71
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	11,35
	Máy sử dụng		
	Máy tính chuyên dụng	Ca	13,56
	Máy in laser A4	Ca	0,01

4.4. Định mức công tác thiết kế, trình bày vỏ đĩa và ghi dữ liệu sách điện tử vào đĩa CD

Đơn vị tính: 01 vỏ đĩa CD

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
04.04.01.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in A4	Ram	0,002
	Mực in laser A4	Hộp	0,0004
	Bút bi	Cái	1
	Đĩa CD	Cái	1
	<i>Nhân công</i>		
	Biên tập viên hạng III bậc 5/9	Công	0,375
	Họa sĩ bậc 5/9	Công	0,938
	Kỹ sư bậc 5/9	Công	1,750
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Máy tính chuyên dụng và đầu ghi đĩa CD chuyên dụng	Ca	2,450
	Máy in laser A4	Ca	0,0001

Chương V

ĐỊNH MỨC CÁC CÔNG TÁC THUỘC CÔNG ĐOẠN IN SÁCH

1. Định mức công tác in bản can

Áp dụng định mức Mã hiệu 03.02.01.01

2. Định mức công tác in bản phim

2.1. Tên định mức: Định mức công tác in bản phim.

2.2. Thành phần công việc

a) Kết nối máy tính với máy in phim, nạp phim vào máy in, nạp file vào máy tính;

b) Khởi động máy tính và máy in, đặt các thông số in và thực hiện lệnh in trên máy tính; theo dõi quá trình in và kiểm tra kết quả in phim.

2.3. Bảng định mức

Đơn vị tính: 100 tờ phim

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.02.01.01	Vật liệu sử dụng		
	Phim Bitonal, greyscale and color	Tờ	102
	Vật liệu phụ	%	5%
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,032
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy ghi phim chuyên dùng	Ca	0,032

3. Định mức công tác bình bản thủ công

3.1. Tên định mức: Định mức công tác bình bản thủ công cho 01 bản kẽm.

3.2. Thành phần công việc

a) Nghiên cứu, tính toán kích thước bố trí trang tài liệu trên khổ giấy in;

b) Thực hiện kẻ ô, cắt, dán, đặt bản can hoặc phim lên để bình cho phù hợp với yêu cầu xén, gấp, đóng tập tài liệu sau in. Sản phẩm cuối cùng là tờ mẫu phơi hoàn chỉnh.

3.3. Bảng định mức

Đơn vị tính: 01 bản bình

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.03.01.01	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,111

4. Định mức công tác ghi bản kẽm từ bản can hoặc bản phim

4.1. Tên định mức: Định mức công tác in bản kẽm từ bản can hoặc bản phim.

4.2. Thành phần công việc

- a) Chuẩn bị máy phơi kẽm;
- b) Đặt bản kẽm và bản can (hoặc bản phim) đã bình bản vào máy;
- c) Đặt thông số của máy và chạy máy phơi kẽm;
- d) Lấy bản kẽm đã phơi đưa vào hệ thống hiện chữ;
- đ) Đưa bản kẽm đã hiện chữ vào hệ thống sấy và gôm bề mặt;
- e) Kiểm tra và đưa bản kẽm hoàn thành phơi vào giá.

4.3. Bảng định mức

Đơn vị tính: 100 bản kẽm

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.04.01.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Bản kẽm	Bản	102
	Vật liệu phụ	%	5
	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	12,75
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy phơi kẽm thủ công	Ca	12,75

5. Định mức công tác bình bản và ghi bản kẽm từ file

5.1. Tên định mức: Định mức công tác bình bản và ghi bản kẽm từ file.

5.2. Thành phần công việc

- a) Thực hiện các thao tác bình bản trên máy tính;
- b) Chuẩn bị máy ghi kẽm, chuyển file vào máy;
- c) Đặt bản kẽm vào máy;
- d) Hiện kẽm đã ghi, sấy khô và gôm bề mặt;
- đ) Kiểm tra và đưa bản kẽm đã ghi vào giá.

5.3. Bảng định mức

Đơn vị tính: 100 bản kẽm

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.05.01.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Bản kẽm	Bản	102
	Vật liệu phụ	%	5
	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	1,821
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy in kẽm tự động	Ca	1,821

6. Định mức công tác in offset 1 màu, 2 màu và 4 màu

6.1. Tên định mức: Định mức công tác in offset 1 màu.

6.2. Thành phần công việc

- a) Chuẩn bị máy in, lắp kẽm, đổ mực, cài đặt thông số in, lắp giấy;
- b) Vận hành máy in, thực hiện in thử và kiểm tra, hiệu chỉnh máy in; thực hiện in chính thức và kiểm tra thành phẩm.

6.3. Bảng định mức

6.3.1. Định mức công tác in offset 01 màu đen, giấy cuộn, in khổ giấy 608x914mm, in 2 mặt đồng thời:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, đen trắng, khổ giấy 608x914mm

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.06.01.01	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Giấy in	m ²	6112,83
	Mực in đen	kg	8,15

Vật liệu phụ	%	5%
Nhân công		
Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,550
Máy sử dụng		
Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động	Ca	0,092

6.3.2. Định mức công tác in offset 01 màu (khác màu đen), giấy cuộn, in khổ giấy 608x914mm, in 2 mặt đồng thời:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu, khổ giấy 608x914mm

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.06.01.02	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	6112,83
	Mực in màu	kg	8,15
	Vật liệu phụ	%	%
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,550
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động	Ca	0,092

6.3.3. Định mức công tác in offset 2 màu giấy cuộn, in khổ giấy 608 x 914 mm, in 2 mặt đồng thời:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 2 màu, khổ giấy 608x914mm

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.06.01.03	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	6112,83
	Mực in màu	kg	18,34
	Vật liệu phụ	%	5%
	Nhân công		

	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,642
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động	Ca	0,092

6.3.4. Định mức công tác in offset 4 màu giấy cuộn, in khổ giấy 608 x 914 mm, in 2 mặt đồng thời:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 4 màu, khổ giấy 608x914mm

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.06.01.04	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	6112,83
	Mực in màu	kg	36,68
	Vật liệu phụ	%	5%
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,733
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset giấy cuộn, in 2 mặt, tự động, 4 màu	Ca	0,092

6.3.5. Định mức công tác in offset 01 màu đen, giấy rời, in khổ giấy 790x1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, đen trắng, khổ giấy 790x1090mm

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.06.01.05	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	9472,10
	Mực in đen	kg	9,47
	Vật liệu phụ	%	5%
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,764

	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset 1 màu, tờ rời	Ca	0,764

6.3.6. Định mức công tác in offset 01 màu (khác màu đen), giấy rời, in khổ giấy 790x1090mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 1 màu, khổ giấy 790x1090mm

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.06.01.06	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	9472,10
	Mực in màu	kg	10,72
	Vật liệu phụ	%	5%
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	0,764
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset 1 màu, tờ rời,	Ca	0,764

6.3.7. Định mức công tác in offset, 2 màu, giấy rời, in khổ giấy 790 x 1090 mm, in 2 mặt, đảo mặt thủ công:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 2 màu, khổ giấy 790x1090mm

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.06.01.07	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	9472,10
	Mực in màu	kg	21,45
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	1,528
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset 2 màu, tờ rời	Ca	0,764
	Vật liệu phụ	%	5%

6.3.8. Định mức công tác in offset, 4 màu, giấy rời, in khổ giấy 790 x 1090 mm,

in 2 mặt, đảo mặt thủ công:

Đơn vị tính: 10.000 bản in 2 mặt, 4 màu, khổ giấy 790 x 1090 mm

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.06.01.08	Vật liệu sử dụng		
	Giấy in	m ²	9472,10
	Mực in màu	kg	42,89
	Vật liệu phụ	%	5%
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm III bậc 4/7	Công	3,056
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy in offset 4 màu, tờ rời	Ca	0,764

7. Định mức công tác gấp

7.1. Tên định mức: Định mức công tác gấp.

7.2. Thành phần công việc

a) Chuẩn bị máy gấp; vỗ, dỡ bằng bê đặt tập giấy gấp vào đúng vị trí trên máy gấp.

b) Vận hành máy gấp, bê đặt tập giấy đã gấp ra ngoài, để vào chỗ quy định, kiểm tra thành phẩm.

7.3. Bảng định mức

Đơn vị tính: 10.000 bản in

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.07.01.01	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	1,250
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy gấp 3 vạch	Ca	0,625

8. Định mức công tác xén

8.1. Tên định mức: Định mức công tác xén.

8.2. Thành phần công việc

a) Chuẩn bị máy xén; vổ, dồ bằng tập giấy xén, bê đặt tập giấy xén vào đúng vị trí trên máy xén;

b) Vận hành máy xén, bê đặt tập giấy đã xén ra ngoài, để vào chỗ quy định, kiểm tra thành phẩm.

8.3. Bảng định mức

8.3.1. Định mức công tác xén 1 mặt để gấp:

Đơn vị tính: 10.000 bản in

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.08.01.01	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,250
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy cắt 1 mặt	Ca	0,1250

8.3.2. Định mức công tác xén 3 mặt để hoàn thiện sách

Đơn vị tính: 1.000 cuốn sách độ dày 5,1cm

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.08.01.02	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	1,136
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy xén 3 mặt	Ca	0,5682

9. Định mức công tác đóng tập

9.1. Tên định mức: Định mức công tác đóng tập.

9.2. Thành phần công việc

a) Chuẩn bị máy đóng tập, bê đặt tập giấy đóng tập vào đúng vị trí trên máy;

b) Vận hành máy, bê đặt tập giấy đã đóng tập ra ngoài, để vào chỗ quy định, kiểm tra thành phẩm.

9.3. Điều kiện áp dụng

Đóng tập lồng, vào bìa và dập ghim sách độ dày < 150 tay sách/cuốn.

9.4. Bảng định mức

9.4.1. Định mức công tác đóng tập lồng, dập ghim sách khổ $\leq A4$:

Đơn vị tính: 1000 quyển khổ $\leq A4$

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
04.09.01.01	Vật liệu sử dụng		
	Dây thép	Mét	15
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,313
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy đóng ghim tự động	Ca	0,0781

9.4.2. Định mức công tác đóng tập lồng, dập ghim sách khổ A3:

Đơn vị tính: 1000 quyển khổ $> A4$ và $\leq A3$

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.09.01.02	Vật liệu sử dụng		
	Dây thép	Mét	20
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,625
	Máy sử dụng		
	Hệ thống máy đóng ghim	Ca	0,1563

9.4.3. Định mức công tác đóng sách khâu chỉ:

Đơn vị tính: 10.000 bản in

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.09.01.03	Vật liệu sử dụng		
	Chỉ khâu	Mét	150
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	3,750

	Máy sử dụng		
--	--------------------	--	--

	Hệ thống máy khâu chỉ sách	Ca	1,250
--	----------------------------	----	-------

9.4.4. Định mức công tác đóng sách keo nhiệt, vào bìa:

Đơn vị tính: Đơn vị tính: 1000 quyển ≤ A4

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.09.01.04	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Keo dán các loại	kg	0,225
	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	1,0
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy đóng sách keo nhiệt	Ca	0,25

10. Định mức công tác vào bìa

10.1. Tên định mức: Định mức công tác vào bìa.

10.2. Thành phần công việc

- Chuẩn bị máy vào bìa, bê đặt tập giấy cần vào bìa vào đúng vị trí trên máy;
- Vận hành máy, bê đặt quyển sách có bìa ra ngoài, để vào chỗ quy định, kiểm tra thành phẩm.

10.3. Bảng định mức

Đơn vị tính: 1000 quyển ≤ A4

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.10.01.02	<i>Vật liệu sử dụng</i>		
	Keo dán giấy	kg	0,125
	<i>Nhân công</i>		
	Công nhân in nhóm II bậc 4/7	Công	0,1
	<i>Máy sử dụng</i>		
	Hệ thống máy vào bìa dán keo	Ca	0,025

11. Định mức công tác đóng gói

11.1. Tên định mức: Định mức công tác đóng gói sách thủ công.

11.2. Thành phần công việc

- a) Chuẩn bị thùng carton, kiểm đếm loại sách cần đóng gói;
- b) Xếp sách vào thùng, đóng thùng băng keo và đánh đai thùng, ghi nhãn;
- c) Bê đặt thùng sách ra ngoài, để vào chỗ quy định, kiểm tra thành phẩm.

11.3. Bảng định mức

Đơn vị tính: 1 thùng carton 0,25m³

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trị số mức
05.11.01.01	Vật liệu sử dụng		
	Thùng carton 3 lớp 0,25 m ³ có đai	Thùng	1
	Băng keo	Mét	10
	Nhãn hàng	Tờ	1
	Nhân công		
	Công nhân in nhóm I bậc 3/7	Công	0,13

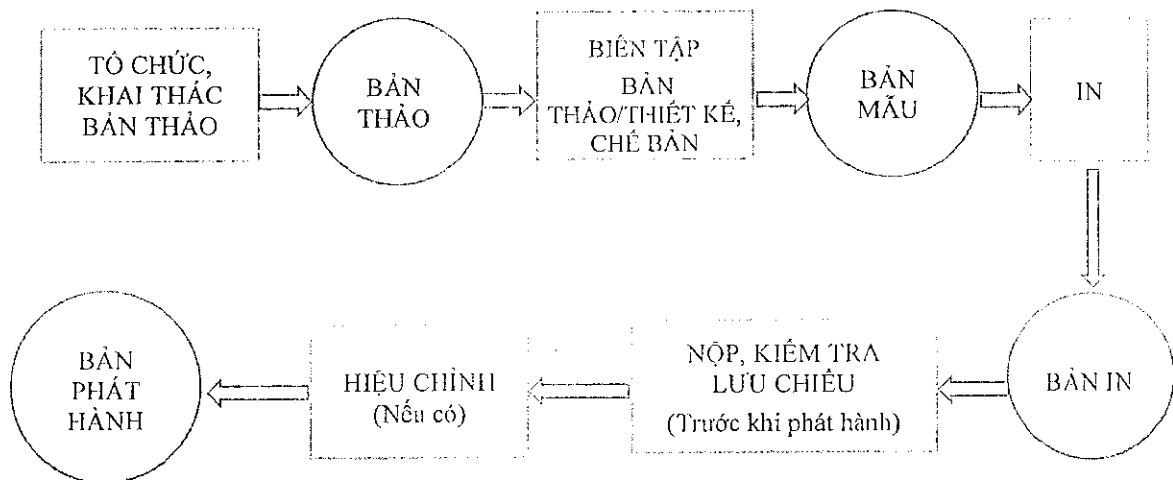
PHỤ LỤC

QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CÔNG VIỆC TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

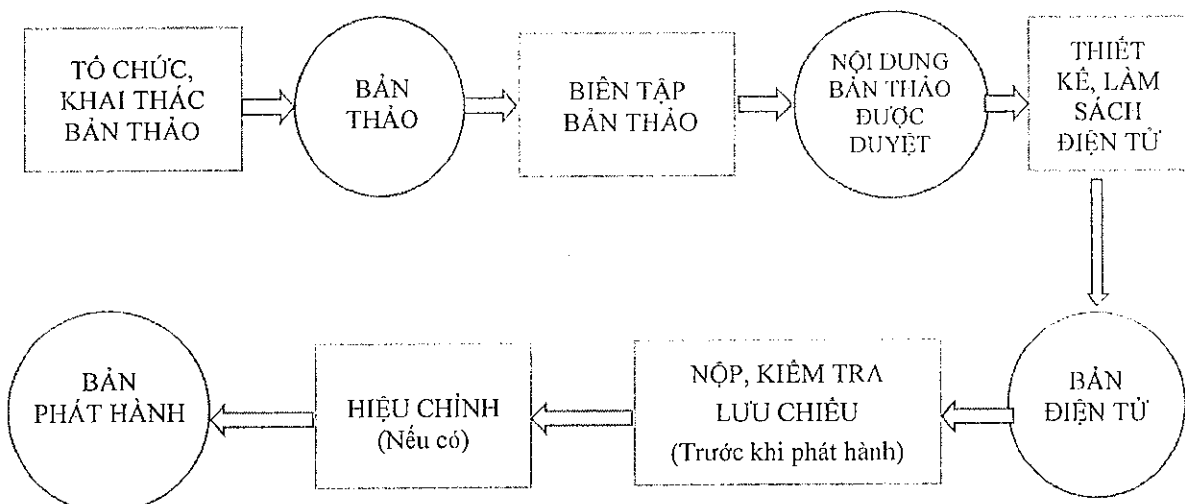
Định mức kinh tế - kỹ thuật này được xây dựng theo quy trình hoạt động xuất bản phổ biến gồm các khâu cơ bản sau: Tổ chức, khai thác bản thảo; Biên tập bản thảo; In (đối với xuất bản phẩm in) hoặc làm sách điện tử (đối với sách điện tử); Nộp, kiểm tra lưu chiểu (trước khi phát hành); Hiệu chỉnh (nếu có); Phát hành xuất bản phẩm.

Dưới đây là quy trình tổng quát của hoạt động xuất bản xuất bản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử:

QUY TRÌNH XUẤT BẢN XUẤT BẢN PHẨM IN



QUY TRÌNH XUẤT BẢN XUẤT BẢN PHẨM ĐIỆN TỬ



1. Khâu tổ chức, khai thác bản thảo:

a) Các bước thực hiện:

Bước 1: Đăng ký kế hoạch đề tài: Xác định phương hướng kế hoạch đề tài (hàng năm, ngắn hạn, dài hạn); chọn đề tài cụ thể, chọn tác giả; duyệt đề tài.

Bước 2: Xây dựng đề cương bản thảo: Viết đề cương bản thảo; duyệt đề cương bản thảo.

Bước 3: Ký hợp đồng với tác giả xây dựng bản thảo.

Bước 4: Tổ chức nghiệm thu bản thảo trước khi đưa vào biên tập.

b) Nội dung thực hiện khâu tổ chức, khai thác bản thảo được lập thành bản kế hoạch xuất bản gồm những nội dung chính sau:

- Tên tác phẩm, tác giả, dịch giả, thể loại, xuất bản lần đầu/tái bản.
- Tóm tắt nội dung tác phẩm.
- Khuôn khổ sách, số trang, số lượng nhân bản, hình thức (in/điện tử).
- Phương thức xuất bản (tự làm/liên kết).
- Đối tượng phục vụ.
- Thời gian dự kiến phát hành.
- Kế hoạch biên tập (phân công biên tập viên, yêu cầu về quy trình, thời gian, bản thảo tiếp nhận, bản thảo sau biên tập).
- Kế hoạch xuất bản (tên sách, thể loại, số lượng trang, khổ sách, số lượng in, chỉ số kỹ thuật, chất liệu sử dụng để in sách, thời gian in, thời điểm nhận sách, thời điểm phát hành).
- Kế hoạch in ấn.
- Kế hoạch tài chính.
- Kế hoạch tiêu thụ.
- Biên bản ghi nhận xét, đánh giá của các biên tập viên.
- Mở hồ sơ biên tập của tác phẩm xuất bản.

2. Khâu biên tập bản thảo

a) Các bước thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận bản thảo: Biên tập viên tiếp nhận bản thảo xuất bản phẩm và kiểm tra về số chương, mục, hình vẽ, biểu bảng, phụ lục... phù hợp với hồ sơ kế hoạch xuất bản được duyệt; làm thủ tục nhận bản thảo xuất bản phẩm.

Bước 2: Biên tập thô: Biên tập viên đọc qua để nắm bắt các thông tin, nội dung chính của bản thảo, phong cách viết của tác giả, xác định các chi tiết của bản thảo nhằm nắm được những ưu, khuyết của bản thảo để từ đó tìm ra những phương án hợp lý để chỉnh sửa bản thảo.

Bước 3: Biên tập tinh: Biên tập viên đọc kỹ để chỉnh lý sửa chữa bản thảo. Tùy thuộc vào tính chất, loại hình, hiện trạng chất lượng và yêu cầu của việc xuất bản mà có thể có 3 mức chỉnh sửa: Sửa nhỏ, chủ yếu là sửa lỗi chính tả, lỗi nhầm tên riêng, phiên âm, viết tắt,...; sửa trung bình, chủ yếu là sửa lỗi ngôn ngữ, ngữ pháp, trình bày câu, trích dẫn...; sửa lớn, tập trung vào lỗi cấu trúc, bố cục, lỗi vi phạm bản quyền tác giả và lỗi vi phạm những yêu cầu cơ bản của chất lượng tác phẩm. Sửa những lỗi này biên tập viên phải phối hợp với tác giả để thực hiện. Kết quả của bước này là bản thảo tác phẩm đã được chỉnh sửa phù hợp.

Bước 4: Hoàn thiện bản thảo: Biên tập viên hoàn thiện bản thảo gồm: thống nhất với tác giả về tên sách; viết lời nhà xuất bản; lập các bảng chỉ dẫn; lập mục lục, thống nhất một số quy định khác (trang trách nhiệm, số bản in, thống kê tài liệu tham khảo...), sửa chữa, hoàn chỉnh bản thảo trình Trưởng ban biên tập xem xét lần cuối trước khi trình Lãnh đạo duyệt.

b) Nội dung biên tập bản thảo:

- Xem xét, chỉnh sửa những vấn đề liên quan đến quan điểm, tư tưởng chính trị, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước...
- Xử lý các vấn đề mang tính học thuật, tính tri thức, tính lịch sử, tính thực tế, tính logic, tính hợp lý... trong nội dung bản thảo để đảm bảo sự chính xác và phù hợp với các quy định hoặc chuẩn mực về pháp lý, thuần phong mỹ tục, đạo đức, văn hóa, xã hội và chuyên môn nghiệp vụ.
- Kiểm tra lời trích dẫn.
- Điều chỉnh kết cấu, lược bỏ những chỗ có nội dung trùng lặp, điều chỉnh thứ tự các đoạn,... làm cho kết cấu bản thảo mạch lạc, chặt chẽ và hợp lý hơn.
- Sửa chữa tiêu đề của các chương, mục, phần và sắp xếp thứ tự tiêu đề của toàn bộ bản thảo cho hợp lý.
- Chỉnh sửa câu, chữ, dấu câu để văn bản tác phẩm đạt chuẩn mực ngôn ngữ, ngữ pháp của tiếng Việt, hoặc tiếng dân tộc khác.
- Chỉnh sửa thống nhất: thuật ngữ, tên riêng, cách dùng chữ số, đơn vị đo lường, cách sắp xếp lời trích dẫn, lời chú thích.
- Chỉnh sửa lỗi chính tả (morat).

- Chỉnh sửa các văn bản phụ như: Chữ viết ngoài bìa, trang tên sách, lời Ban biên tập, lời Nhà xuất bản, lời nói đầu, lời giới thiệu, lời tựa, lời bạt, tiểu sử tác giả, mục lục, chú thích, biểu bảng, tranh ảnh minh họa, chỉ dẫn, phụ lục, tài liệu tham khảo và các phần phụ khác.

- Chỉnh sửa các ảnh, cắt cúp ảnh cho chặt chẽ, điều chỉnh độ nét và độ sáng của bức ảnh cho phù hợp; biên tập hoặc bổ sung chú thích ảnh.

3. Khâu thiết kế, chế bản xuất bản phẩm in

a) Các bước thực hiện:

Bước 1: Nghiên cứu bản thảo để có ý tưởng trình bày hình thức xuất bản phẩm.

Bước 2: Kỹ thuật viên, họa sĩ dựa vào yêu cầu về mặt trình bày hình thức xuất bản phẩm để sáng tạo, đề xuất ý tưởng, thống nhất ý tưởng thiết kế với biên tập viên và tác giả.

Bước 3: Thực hiện thiết kế, chế bản theo ý tưởng thiết kế đã thống nhất với biên tập viên và tác giả. Kết quả của khâu này là bản mẫu được duyệt.

b) Nội dung thiết kế, chế bản xuất bản phẩm in:

- Lựa chọn kích cỡ và hình thức khổ sách.

- Thiết kế phần bìa ngoài, gồm có: Thiết kế bìa 1 (bìa cứng hoặc bìa mềm, gấp mép hoặc không gấp mép); Thiết kế bìa cuối; Thiết kế gáy sách; Thiết kế vỏ bọc ngoài (nếu có).

- Thiết kế kiểu chữ, cỡ chữ, khoảng cách giữa các chữ, các hàng, tiêu đề, chú thích, đầu trang, số trang,... trong các phần, chương, mục, tiểu mục của nội dung sách.

- Thiết kế về kết cấu chữ trong những trang lời nói đầu, lời nhà xuất bản, lời giới thiệu, lời tựa, lời bạt, chỉ dẫn, tài liệu tham khảo,...

- Thiết kế về kết cấu và sắp xếp các hình ảnh minh họa.

- Thiết kế và sắp xếp các biểu bảng sử dụng xuất bản phẩm.

- Thiết kế các trang khác như: Trang tên sách, trang lót, lời đề tặng, giới thiệu tác giả,... Việc sắp xếp phải tạo sự thống nhất hài hòa và đảm bảo hợp lý trong toàn nội dung cuốn sách.

- Lên ý tưởng về nguyên vật liệu và công nghệ in ấn phù hợp.

4. Khâu thiết kế, làm sách điện tử

a) Các bước thực hiện:

Bước 1: Nghiên cứu bản thảo để có ý tưởng trình bày hình thức xuất bản phẩm.

Bước 2: Kỹ thuật viên, họa sĩ dựa vào yêu cầu về mặt hình thức xuất bản phẩm điện tử để sáng tạo, đề xuất ý tưởng, thống nhất ý tưởng thiết kế, hình thức phát hành (trên mạng hoặc đĩa CD) với biên tập viên và tác giả.

Bước 3: Thực hiện thiết kế và làm sách điện tử theo ý tưởng đã thống nhất với biên tập viên và tác giả.

Bước 4: Ghi đĩa nộp lưu chiểu và cài đặt lên trang web hoặc in đĩa CD để phát hành.

b) Nội dung làm sách điện tử:

- Lựa chọn phần mềm xuất bản sách điện tử phù hợp với phương thức phát hành (in đĩa CD, hay phát hành trên mạng).

- Thiết kế layout sách điện tử; thiết kế menu, các nút bấm (nếu có).

- Thiết kế phần bìa ngoài, gồm có: Thiết kế bìa 1; thiết kế bìa cuối;

- Thiết kế kiểu chữ, cỡ chữ, khoảng cách giữa các chữ, các hàng, tiêu đề, chú thích, đầu trang, số trang... và trình bày nội dung trong các phần, chương, mục, tiểu mục... của nội dung sách.

- Thiết kế và trình bày các trang lời nói đầu, lời nhà xuất bản, lời giới thiệu, lời tựa, lời bạt, chỉ dẫn, tài liệu tham khảo,...

- Thiết kế hình thức, bố cục và trình bày hình ảnh minh họa.

- Thiết kế và trình bày các bảng biểu được sử dụng trong xuất bản phẩm.

- Thiết kế các trang khác như: Trang tên sách, trang lót, lời đề tặng, giới thiệu tác giả,... Việc sắp xếp phải tạo sự thống nhất hài hòa và đảm bảo hợp lý trong toàn nội dung cuốn sách.

- Thiết kế vỏ đĩa, nhãn đĩa CD và ghi dữ liệu sách điện tử vào đĩa CD (nếu phát hành bằng phương thức in đĩa).

5. Khâu in sách

Do hiện nay công nghệ in phổ biến là công nghệ in offset nên quy trình in sách dưới đây là theo quy trình công nghệ in offset.

Bước 1: Bình bản: là việc sắp xếp các trang sách trên một tờ in lớn để sau khi in ấn xong, gấp tờ in lại sẽ có các trang được sắp xếp theo đúng thứ tự. Trước

khi bình bản cần xác định rõ các thông tin sau:

- + Khổ sản phẩm.
- + Khổ giấy in (ví dụ: 65 × 86 cm, 60 × 84 cm hay 32,5 x43 cm,...).
- + Loại giấy in.
- + Loại máy in sử dụng.
- + Cách thức hoàn thiện sản phẩm (ví dụ: đóng ghim, may chỉ, phay gáy, vào keo,...).
- + Cách thức gia công (ví dụ: gấp tờ in bằng tay, bằng máy).
- + Phương pháp bình bản: Bình bản thủ công hoặc bình bản tự động bằng phần mềm chuyên dụng.

Bước 2: In Film hoặc in can (nếu có).

Bước 3: Phoi kẽm/In kẽm: Phoi kẽm bằng hệ thống máy phoi kẽm thủ công hoặc in trực tiếp ra bản kẽm bằng máy in kẽm tự động. Nếu in kẽm tự động thì bỏ qua bước 2.

Bước 4: In Offset: In bằng hệ thống máy in offset dùng giấy cuộn hoặc giấy rời, in 2 mặt đồng thời, 1 màu hoặc 2 màu hoặc 4 màu.

Bước 5: Các công tác sau in gồm: Gấp, xén, đóng tập, vào bìa, đóng gói.

6. Khâu nộp lưu chiểu

Xuất bản phẩm in sau khi in xong, hoặc xuất bản phẩm điện tử sau khi làm sách điện tử xong phải nộp lưu chiểu cho cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản theo quy định trước khi các xuất bản phẩm này được phát hành.

7. Khâu phát hành (bao gồm: theo dõi phản hồi của độc giả, đính chính)

Sau khi xuất bản phẩm đã phát hành đến công chúng, biên tập viên theo dõi phản hồi của độc giả, thực hiện đính chính (nếu có) hoặc ghi nhận để phục vụ cho công tác tái bản. / 